

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 4 – 2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lành

2. Ông Huỳnh Tuấn Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Y, C - C, sinh năm 1979; địa chỉ: Lầu C ngõ B hẻm A, đoạn 2, lộ H, khóm I, phường L, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 2002; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/9/2024, nguyên đơn anh Y,C -Chuan trình bày như sau:

Anh Y, C – C và chị Nguyễn Thị Huỳnh N kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 112, ngày 28/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời gian chung sống anh Y, C – C và chị Huỳnh N bất đồng ngôn ngữ nên thường xuyên mâu thuẫn, không hạnh phúc.

Nay anh Y, C - C yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Như .

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 02/4/2025 bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Chị và anh Y, C – Chuan kết hôn ngày 28/10/2024 tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn, vợ chồng mâu thuẫn và ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Nay theo yêu cầu khởi kiện của anh Y, C – Chuan chị có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Y, C – C.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Y, C - Chuan với chị Nguyễn Thị Huỳnh N là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Nguyên đơn anh Y, C – C và bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Y, C - C và chị Nguyễn Thị Huỳnh N có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2024 tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Y, C - C có quốc tịch Trung Quốc và chị Huỳnh N là công dân Việt Nam là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 25 Điều 3 của Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của N quy định việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn

là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình của N thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

Anh Y, C – Chuan xác định trong cuộc sống hôn nhân, do bất đồng ngôn ngữ nên trong sinh hoạt vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không hạnh phúc. Cả hai cố gắng góp ý xây dựng để bảo vệ hôn nhân nhưng không đạt kết quả. Chị Huỳnh N cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và ly thân đầu năm 2025 đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Y, C – C và chị Huỳnh Như không T hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm, không chăm sóc. Do anh Y, C – C và chị Huỳnh N đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của N1 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và chị Huỳnh N cũng có ý kiến đồng ý ly hôn nên cho anh Y, C – C được ly hôn với chị Huỳnh N là có căn cứ.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh Y, C – C và chị Huỳnh N trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Y, C - Chuan phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được quy định tại khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 25 Điều 3, Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Y, C - C.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Y, C - C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Huỳnh N.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Án phí: Anh Y, C – Chuan chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N⁰ 0015225 ngày 17/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh Y, C - C đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND H. TB: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Thị Tư